

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày 09/9/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông H Văn Ngân;
2. Bà Vũ Thị Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 26A, phường P (nay là tổ 21, phường L), thành phố L, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ nơi ở: Số nhà 515, đường M, tổ 22, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Địa chỉ: Số nhà 051, đường L, tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 051, đường M, tổ 10, phường L, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ nơi ở: Số nhà 348, đường K, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai “Có mặt”

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Anh H - Địa chỉ: Số nhà 051, đường M, tổ 10, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

4. Những người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị H - Địa chỉ: Số nhà 091, đường M, tổ 10, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

+ Bà Trần Thị N - Địa chỉ: Số nhà 099, đường T, tổ 7, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

+ Ông Phạm Quốc T - Địa chỉ: Tổ 2, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè buôn bán với nhau, năm 2017, bà Nguyễn Thị T có nhờ bà L vay ngân hàng để chị đưa chị gái đi mổ tim, vì nghĩ thương hoàn cảnh của bà T nên bà L đã thế chấp tài sản để vay tiền hộ bà T, do chị em tin tưởng nhau khi giao tiền mặt cho bà T, bà L không viết giấy giao nhận tiền, khi nào bà T trả tiền lãi thì hai chị em nhắn tin xác nhận. Vì lý do bà T chỉ hỏi nhờ bà L vay ngân hàng hộ mấy tháng nhưng kéo dài quá lâu không trả nên bà L đã yêu cầu bà T phải viết giấy vay cho bà L, và ngày 19/9/2020 bà T đã viết giấy vay với nội dung: tháng 10/2017 có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng và hẹn khi nào bán được nhà thì trả. Tuy nhiên, vợ chồng bà T không muốn bán nhà trả lại tiền cho bà L, đến nay thời hạn vay đã lâu, bà L không thể có tiền trả tiền lãi ngân hàng nên ngày 26/04/2021, bà L đã gửi thông báo đòi nợ qua bưu điện đến cho bà T và yêu cầu trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, bà T phải trả bà L số tiền vay, tuy nhiên, sau đó bà T vẫn không trả tiền cho bà L. Bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng.

Tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị T có vay của bà L 300.000.000 đồng lần thứ nhất vào tháng 6/2017, đến ngày 16/9/2017 vợ chồng bà T đã trả cho bà L. Ngay hôm trả nợ đó bà T có hỏi vay luôn lại khoản tiền này, hai bên không ghi giấy vay nợ gì. Đến tháng 10/2017 bà mới viết giấy nợ, bà T ghi tháng 10/2017 tôi có vay của bà L 300.000.000 đồng. Do thời gian đó bà T nợ nần nhiều nên phải bỏ đi Miền Nam khoảng tháng 4/2019 ông H (chồng bà T) có gọi điện nói với bà T đã ghán quầy hàng khô của ông H để trừ vào khoản tiền bà T nợ bà L 300.000.000 đồng như vậy là bà Nguyễn Thị T đã trả đủ nợ cho bà L. Bà T đã nhờ chị Nguyễn Thị Hạnh (Tổ 10, phường Phố Mới) đưa chìa khóa cho bà L, từ đó bà L quản lý, sử dụng. Đến nay gia đình bà T không còn liên quan gì đến quầy hàng đó nữa. Việc vay tiền bà T sử dụng cá nhân ông H không biết, sau này bà T mới nói cho ông H biết và nhờ ông H ghán quầy hàng để trừ nợ cho bà T

Tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Khi vợ ông H (bà T) vay bà L tiền 300.000.000 đồng lần thứ nhất ông H không biết, sau đó ông H mới biết bà T vay bà L 300.000.000 đồng, vào ngày 16/9/2017 tại nhà ông H, ông H và bà T đã trả đủ cho bà L khoản tiền này. Việc bà T vay lại tiền bà L ông H

không biết, bà T chi tiêu vào việc gì ông H cũng không biết. Đến tháng 4/2019 bà T do nợ lẫn nhiều đã bỏ đi ông H mới biết bà T vay bà L và rất nhiều người.

Ngày 28/4/ 2019 ông H có làm giấy bán quầy hàng khô tại chợ tạm P cho bà L với giá 300.000.000 đồng trừ vào số tiền bà T vay bà L. Ông H có ghi luôn vào giấy bán quầy hàng khô là “ Trừ sang ngang số tiền vợ tôi Nguyễn Thị T vay lãi của bà Nguyễn Thị L”, do chìa khóa quầy hàng bà T nhờ chị Nguyễn Thị H (Tổ 10, phường P) đưa chìa khóa cho bà L, từ đó bà L quản lý, sử dụng. Đến nay gia đình ông H không còn liên quan gì đến quầy hàng đó nữa. Như vậy là bà T đã trả hết nợ cho bà L.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 274, điều 280, khoản 1 điều 351, khoản 1 điều 357, điều 463, điều 466, điều 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền đã vay là 300.000.000 đồng. Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến yêu cầu xem xét, khiếu nại vấn đề gì về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị T vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản: Trong giấy vay tiền không đề ngày thể hiện tháng 10/2017 bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng, không ghi thời hạn vay, lãi suất, giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị T tự tay viết, ký ghi

rõ họ tên. Bà L cho rằng thời gian khoảng 7/2017 khi vay không viết giấy tờ gì, sau đó bà L cần tiền để làm nhà cho con đòi nhiều lần nhưng bà T không trả tiền, lúc đó bà L yêu cầu bà T viết giấy vay nợ thì ngày 19/9/2020 bà T mới viết giấy ghi nợ cho bà L; Bà T cho rằng ngày 6/9/2017 bà L có vay bà T 300.000.000 đồng hai bên không ghi giấy vay nợ, đến tháng 10/2017 bà T mới viết giấy nợ, trong giấy ghi tháng 10/2017 bà T có vay của bà L 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu). Tại phiên toà bà T, ông H đều khẳng định thời gian bà T viết giấy vay nợ là vào năm 2020 (viết giấy vay nợ sau khi ông H giấy bán quầy hàng khô cho bà L), lời khai tại phiên toà của bà T, ông H phù hợp với lời khai của bà L về thời điểm viết giấy vay nợ là ngày 19/9/2020. Căn cứ vào giấy vay nợ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định được tháng 10/2017 bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà Nguyễn Thị L cho rằng bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng này. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Anh H (chồng bà T) cho rằng ngày 28/4/2019 ông H có làm giấy bán quầy hàng khô tại chợ tạm P cho bà L với giá 300.000.000 đồng trừ vào số tiền bà T đã vay bà L.

[2.2.1] Cả bà Nguyễn Thị L và ông Lê Anh H đều công nhận ngày 28/4/2019 giữa ông Lê Anh H có làm giấy bán quầy hàng khô ô số 5 tại chợ tạm P cho bà Nguyễn Thị L với giá 300.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất, tại phiên toà ông H cho rằng việc bán quầy hàng là để trừ vào khoản tiền 300.000.000 đồng bà T nợ bà L và ông H cung cấp cho Tòa án giấy bán quầy hàng khô có dòng ghi “Trừ sang ngang số tiền vợ tôi Nguyễn Thị T vay lãi của bà Nguyễn Thị L”

Tại bản tường trình sự việc, biên bản đối chất, tại phiên toà bà L cho rằng ý định của ông H bán ki ốt số 5 cho bà L để gạt nợ số tiền 300.000.000 đồng mà bà T đã vay, bà L cũng có ý định mua quầy hàng khô nên bà L đã yêu cầu ông H phải có xác nhận của Ban quản lý chợ vào giấy mua bán, ông H cam kết là sẽ xin được xác nhận nên bà L đã ký vào để ông H lấy xác nhận của Ban quản lý chợ nhưng ông H không lấy được xác nhận vì vậy bà L không đồng ý mua nữa. Bà L cung cấp cho Tòa án giấy bán quầy hàng khô do không có dòng “Trừ sang ngang số tiền vợ tôi Nguyễn Thị T vay lãi của bà Nguyễn Thị L”.

Tại hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh số 05 ngày 15/01/2019 giữa ban quản lý chợ P - HTX C (Bên A) với ông Lê Anh H (Bên B) có quy định “Bên B không được phép chuyển nhượng hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh hoặc cho người khác thuê lại nếu chưa được sự chấp thuận của bên A”. Cả 02 giấy bán quầy hàng khô do ông H và bà L cung cấp đều không có xác nhận của Ban quản lý chợ vì vậy việc bà L cho rằng ông H không lấy được xác nhận bà L không đồng ý mua nữa là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Việc bà T, ông H cho rằng sau khi làm giấy bán quầy hàng khô, bà T nhờ chị Nguyễn Thị H (Tổ 10, phường P) đưa chìa khóa cho bà L, từ đó bà L quản lý, sử dụng quầy hàng khô đến nay gia đình bà T, ông H không còn liên quan gì đến quầy hàng đó nữa.

Bà L cho rằng sau khi làm giấy bán quầy hàng khô nhưng không lấy xác nhận của Ban quản lý chợ được, bà L không đồng ý mua nữa thì ông H có làm giấy uỷ quyền tạm thời giao quầy hàng cho bà L bán, nhưng khi chị H (em gái bà T) đến bàn giao chìa khóa cho bà L thì một số chủ nợ đến lấy hàng vì bà T mua trước đó chưa trả tiền cho họ, Ban quản lý chợ đã lập biên bản, lúc đó trong quầy không còn gì để bàn giao cho bà L nên bà L đã không ký vào giấy uỷ quyền, bà L cũng không nhận quầy và quầy hàng này hiện nay gia đình ông H, bà T vẫn quản lý sử dụng.

Tại đơn uỷ quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (BL 39) do bà T cung cấp thể hiện ông Lê Anh H có uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị L tạm thời sử dụng địa điểm kinh doanh ô số 5 quầy hàng khô thời gian từ tháng 5 đến 31/12/2019 không có chữ ký của bà L;

Toà án đã tiến hành lấy lời khai bà Trần Thị N (BL 70), bà Nguyễn Thị H (BL 89), ông Phạm Quốc T (BL 97). Tại phiên toà bà H, ông T có mặt lời khai tại phiên toà phù hợp lời khai có trong hồ sơ. Qua lời khai của những người làm chứng, lời khai của bà L, bà T ông H xác định việc bà H mở cửa quầy hàng để giao cho bà L là có, việc này phù hợp với việc bà L được ông H uỷ quyền để sử dụng địa điểm kinh doanh tuy nhiên bà L khai sau đó không còn hàng, bà L không nhận quầy nữa nên không ký vào đơn uỷ quyền và gia đình bà T vẫn sử dụng quầy hàng đó. Lời khai và chứng cứ “Giấy uỷ quyền” bà L đưa ra phù hợp với lời khai của ông Phạm Quốc T là đội trưởng đội bảo vệ chợ P khai sau khi chị H trả hàng cho mọi người xong quầy hàng khô được đóng lại, không kinh doanh từ đó đến khi tháo dỡ trả lại mặt bằng. Đối với người làm chứng bà H khai “sau khi sau khi giao quầy vẫn thấy chị L sử dụng quầy hàng đó, chị L còn cho bà Xuyên thuê, sau đó tôi lại thấy chị L cho chị Thuận thuê”, lời khai này tại phiên toà bà H khai bà biết việc bà L sử dụng quầy hàng đó, bà L còn cho bà Xuyên thuê, sau đó lại thấy bà L cho chị Thuận thuê là do nghe chị T nói. Như vậy lời khai của bà H là không khách quan vì bà H là em gái bà T, cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đối với những người làm chứng Phạm Thị L, Đặng Thị H, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị T, Phạm Thị C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Hồng H ký xác nhận vào bản tường trình sự việc của bà T, Toà án đã yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ, đưa những người làm chứng đến Toà án để lấy lời khai nhưng bà T không cung cấp địa chỉ và cũng không đưa người làm chứng đến Toà án vì vậy không xem xét đánh giá.

Như vậy xác định được việc bà L cho rằng không nhận và sử dụng quầy hàng khô là có căn cứ.

[2.2.3] Việc bà L cho rằng gia đình ông H bà T vẫn sử dụng ô quầy là có căn cứ vì lời khai của ông H tại biên bản hoà giải, tại phiên toà ông H xác định: Việc ông H có quầy hàng số 5 chợ tạm, được ưu tiên bốc thăm lên chợ mới là ô số 16 ngành hàng

khô, ông H là người trực tiếp đi bốc thăm nhưng hiện tại ô chợ số 16 này ông H vẫn chưa ký hợp đồng với BQL chợ mà vì ông H đã bán ô chợ số 5 cho bà L nên ô chợ số 16 này để bà L trực tiếp ký hợp đồng với BQL chợ. Tại phiên tòa ông H, bà L đều xác định đến thời điểm này cả ông H và bà L chưa ai ký hợp đồng ô chợ số 16 với Ban quản lý chợ

Từ những phân tích tại mục [2.1] và mục [2.2] đủ cơ sở khẳng định bà T có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng, bà T chưa thanh toán trả cho bà L, việc trừ nợ giữa hai bên không thành, phù hợp với việc bà L, bà T, ông H đều khai thời điểm viết giấy vay nợ vào năm 2020. Việc vay tiền của bà T cả bà T và ông H đều công nhận việc bà T vay sử dụng cá nhân ông H không biết vì vậy xét yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, điều 466, điều 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000633 ngày 28/5/2021 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Lanh